TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2024/DS-ST
Ngày 29-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thay;

Ông Phan Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thái Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1945; nơi cư trú: Tổ E, T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Chị Phan Thị M, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số E, Trại giam X thuộc Cục C2, Bộ C3.

Ông C, chị M có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:

Bà Phan Thị M là chủ hụi, ông có tham gia góp hụi với bà M 01 dây hụi cụ thể sau: Dây hụi mở ngày 25-5-2020 AL (ngày DL là ngày 07-7-2020), hụi 1.000.000 đồng, gồm 24 phần, mỗi tháng mở hụi một lần, ông tham gia 01 phần, chị đã góp được 17 kỳ đến tháng 02/2022 AL (có 04 kỳ không mở hụi do dịch

Covid-19 gồm tháng 6, 7, 8, 9-2021 AL), số tiền ông góp cho bà M 17 kỳ = 15.000.000 đồng (hụi thực đóng, khi đóng ông có ghi sổ hụi do ông giữ), dây hụi này ông chưa lĩnh hụi, ông góp cho đến tháng 02-2022 AL thì nghe thông tin bà M bể hụi nên không góp thêm nữa.

Sau khi bà M thông báo ngưng hụi, bà M không nói gì đến ông cùng các hụi viên khác nên mọi người lám đơn tố cáo đến công an, đến tháng 4-2023 thì bà M bị bắt giam để điều tra hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tại bản án số 95/2023/HS-ST, ngày 22-12-2023 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử bà M về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và buộc bà M có trách nhiệm trả cho ông số tiền đã chiếm đoạt là 4.597.000 đồng, còn lại số tiền 10.403.000 đồng (15.000.000 đồng – 4.597.000 đồng) tách ra giải quyết vụ án dân sự.

Tuy nhiên Tòa án đã làm việc với chị M và chị M chỉ thừa nhận chỉ nợ ông số tiền 7.300.000 đồng, đồng ý trả số tiền này cho ông thì nay ông xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị M trả lại cho ông số tiền 7.300.000 đồng, không yêu cầu hay ý kiến gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phan Thị M có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Chị là chủ hụi, ông Lê Văn C có tham gia góp hụi với chị dây hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 25-5-2020 AL (ngày DL là ngày 07-7-2020), gồm 24 phần, mỗi tháng mở hụi một lần, ông C tham gia 01 phần, ông đã góp được 17 kỳ đến tháng 02/2022 là đúng như ông C trình bày, nhưng số tiền ông C góp được 17 kỳ, tính trung bình thực tế mỗi kỳ góp trung bình là 700.000 đồng X 17 kỳ = 11.900.000 đồng, dây hụi này ông C chưa được lĩnh hụi thì chị thông báo bể hụi nên ông C không góp thêm nữa.

Tại bản án số 95/2023/HS-ST, ngày 22-12-2023 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử chị về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và buộc chị có trách nhiệm trả cho ông C số tiền mà chị đã chiếm đoạt là 4.597.000 đồng, còn lại số tiền 10.403.000 đồng (15.000.000 đồng – 4.597.000 đồng) tách ra giải quyết vụ án dân sự là chưa phù hợp với thực tế các hụi viên đã góp. Thực tế chị còn nợ ông C góp hụi sống là 7.300.000 đồng (11.900.000 đồng – 4.597.000 đồng). Danh sách hụi, sổ hụi thì chị nộp cho Công an tỉnh khi điều tra, trong sổ hụi khi hụi viên góp hụi chị có ghi từng kỳ góp số tiền bao nhiêu. Đối với danh sách hụi do ông C cung cấp cho Tòa án là ông C ghi không đúng nên chị không đồng ý, nếu ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu thì đề nghị Tòa án đối chiếu với sổ hụi do chị cung cấp tại Công an và Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nay ông C yêu cầu chị có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền 10.403.000 đồng là không đúng, chị đồng ý trả cho ông C số tiền 7.300.000 đồng. Việc chị trình bày trên là tự nguyện, không ai ép buộc.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải

quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Ông Lê Văn C là nguyên đơn và chị Phan Thị M là bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặttông Chứng, chị M là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được Thẩm phán công khai khi giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì yêu cầu của ông Phan Văn C1 là có sơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, biêu phường; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C đối với chị Phan Thị M về tranh chấp hợp đồng góp hụi. Buộc chị Phan Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn C số tiền nợ hụi 7.300.000 đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị M phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn C là nguyên đơn và chị Phan Thị M là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông C, chị M.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông Lê Văn C khởi kiện yêu cầu chị Phan Thị M có nghĩa vụ trả lại số tiền hụi gốc 7.300.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị M đồng ý trả cho ông C số tiền trên nhưng đang phải chấp hành án tại Phân trại số E, Trại giam X thuộc Cục C2, Bộ C3 nên xin văng mặt.

[2.1] Xét thấy, khi khởi kiện ông C cung cấp được chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là Bản án số 95/2023/HS-ST, ngày 22-12-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh (phô tô). Chứng cứ này cũng đã được Tòa án thông báo cho chị M biết và chị M có ý kiến về cách tính tiền hụi trong bản án là chưa phù hợp, nếu ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện thì chị yêu cầu Tòa án đối chiếu lại danh sách số tiền thực tế ông C góp hụi mà chị đã nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông C và chị M có giao kết hợp đồng góp hụi với nhau, khi giao kết hai bên tự nguyện thỏa thuận ông C tham gia 01 dây hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 25-5-2020 AL (ngày DL là ngày 07-7-2020), gồm 24 phần, mỗi tháng mở hụi một lần

và ông C góp được 17 lần, số tiền thực tế góp hụi được hai bên thống nhất là 11.897.000 đồng, ông C chưa được lĩnh hụi thì chị M thông báo ngừng dây hụi, hành vi ngừng tất cả các dây hụi của chị M đã vi phạm pháp luật hình sự nên bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử bằng Bản án số 95/2023/HS-ST, ngày 22-12-2023, theo bản án chị M có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền 4.597.000 đồng, số tiền còn lại tách ra giải quyết vụ án dân sự. Do đó, nay ông C khởi kiện yêu cầu chị M trả số tiền còn lại 7.300.000 đồng (11.897.000 đồng – 4.597.000 đồng) là có căn cứ và chị M đồng ý trả cho ông C số tiền 7.300.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C đối với chị Phan Thị M về tranh chấp hợp đồng góp hụi. Buộc chị Phan Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn C số tiền nợ hụi 7.300.000 đồng, ghi nhận không yêu cầu gì khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Lê Văn C là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, biêu phường; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C đối với chị Phan Thị M về tranh chấp hợp đồng góp hụi. Buộc chị Phan Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn C số tiền nợ hụi 7.300.000 (bảy triệu, ba trăm nghìn) đồng, ghi nhận ông C không yêu cầu gì thêm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị M phải chịu 365.000 (ba trăm, sáu mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn C được miễn tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Văn C và chị Phan Thị M có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC. THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Quốc